TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/DSST.
Ngày: 26/11/2019.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Cán bộ TAND huyện Cư Jút.

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 138/2018/TLST-DS ngày 25/12/2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-DS ngày 10/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST-DS ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V.

Địa chỉ: Tháp V, số 35 Hàng V, quận H, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Danh Đ – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B.

Địa chỉ: Số 41 Nguyễn T, phường TA, thành phố B, tỉnh ĐL.

Theo Quyết định số 8695/QĐ-B ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V về việc ủy quyền tham gia tố tụng.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Tạ Thị Thu L – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B.

Địa chỉ: Số 41 Nguyễn T, phường TA, thành phố B, tỉnh ĐL.

Theo Giấy ủy quyền số 723/B-KHCN ngày 11/6/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Vi – Chi nhánh B. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K.

Địa chỉ: Thôn 15, xã Đ, huyện C, tỉnh ĐN. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người được ủy quyền tham gia tố tụng là bà Tạ Thị Thu L trình bày:

Vào ngày 21/10/2016 bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K ký Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/9102490/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V (BIDV) – Chi nhánh B để vay số tiền là 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng)*; mục đích là để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 21/10/2016 đến ngày 21/10/2018; lãi suất kỳ đầu tiên áp dụng là 11%/năm, các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; trả lãi 03 tháng một lần vào ngày 20; gốc trả mỗi năm một lần, ngày 21/10/2017 trả số tiền 200.000.000 đồng, ngày 21/10/2018 trả số tiền 300.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B và bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn K đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2016/8534893/HĐBĐ ngày 05/5/2016 gồm các tài sản sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 316315 do UBND huyện C, tỉnh ĐN cấp ngày 20/4/2015 mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 671322 do UBND huyện C, tỉnh ĐN cấp ngày 27/6/2014 mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T và ông K đã trả được số tiền lãi tính đến ngày 13/01/2017 là 14.000.000đ *(Mười bốn triệu đồng)*.

Tính đến ngày khởi kiện 22/10/2018 bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K còn nợ lại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B số tiền 612.036.805đ *(Sáu trăm mười hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm lẻ năm đồng)*, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng)*.

+ Nợ lãi trong hạn: 100.361.111đ *(Một trăm triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm mười một đồng)*.

+ Nợ lãi quá hạn: 11.675.694đ *(Mười một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng)*.

Và lãi suất phát sinh cho đến khi bà T, ông K trả xong các khoản nợ.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B bà Tạ Thị Thu L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K phải trả bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi là 707.870.139đ *(Bảy trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi chín đồng)*, trong đó:

+ Nợ gốc: 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng)*.

+ Nợ lãi trong hạn:

- Tính từ ngày 21/10/2016 đến ngày 01/10/2017 là 345 ngày, được khấu trừ số tiền đã trả 14.000.000 đồng: 500.000.000đ x 11%/năm x 345 ngày = 52.708.333 đồng - 14.000.000 đồng = 38.708.333đ *(Ba mươi tám triệu bảy trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)*.

- Tính từ ngày 02/10/2017 đến ngày 26/11/2019 là 786 ngày: 500.000.000đ x 11,5%/năm x 786 ngày = 125.541.667đ *(Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)*.

+ Nợ lãi quá hạn (bằng 150% lãi suất trong hạn):

- Tính từ ngày 23/10/2017 đến ngày 21/10/2018 là 363 ngày: 200.000.000đ x (11,5%/năm x 0,5) x 363 ngày = 11.595.833đ *(Mười một triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng)*.

- Tính từ ngày 22/10/2018 đến ngày 26/11/2019 là 401 ngày: 500.000.000đ x (11,5%/năm x 0,5) x 401 ngày = 32.024.306đ *(Ba mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm lẻ sáu đồng)*.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K, tuy nhiên bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện C lập biên bản về việc vắng mặt đương sự và biên bản không tiến hành hòa giải được, đồng thời Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K.

Tòa án cũng đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đối với bà T và ông K, tuy nhiên bà T và ông K vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giáo nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giáo nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T, Ông K vẫn vắng mặt không có lý do, do đó việc hòa giải không tiến hành được.

- Tại phiên tòa HĐXX và nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện C xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V là có căn cứ nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết Tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn là bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn 15, xã Đ, huyện C, tỉnh ĐN. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 21/10/2016, thời hạn vay 24 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/10/2018. Đến thời hạn trả nợ bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K không thực hiện việc trả nợ cho phía ngân hàng, do đó quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng bị xâm phạm. Ngày 22/10/2018 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015].

[2. Về nội dung vụ án:

- Xét chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 01/2016/9102490/HĐTD ngày 21/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh B và bà Nguyễn Thị T,ông Nguyễn Văn K thì thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/10/2018. Tuy nhiên khi đến hạn bà T, ông K không trả nợ gốc và nợ lãi cho phía ngân hàng.

Ngày 22/10/2018 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K phải trả số tiền còn nợ 612.036.805đ *(Sáu trăm mười hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm lẻ năm đồng)*, trong đó nợ gốc: 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng)*; nợ lãi trong hạn: 100.361.111đ *(Một trăm triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm mười một đồng)*; nợ lãi quá hạn: 11.675.694đ *(Mười một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng)* và lãi suất phát sinh cho đến khi bà T, ông K trả xong các khoản nợ.

Bà T, ông K đã trả được số tiền lãi tính đến ngày 13/01/2017 là 14.000.000đ *(Mười bốn triệu đồng)* nên bà T, ông K được khấu trừ số tiền đã trả.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K phải trả bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi là 707.870.139đ *(Bảy trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi chín đồng)*, trong đó:

+ Nợ gốc: 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng)*.

+ Nợ lãi trong hạn:

- Tính từ ngày 21/10/2016 đến ngày 01/10/2017 là 345 ngày, được khấu trừ số tiền đã trả 14.000.000 đồng: 500.000.000đ x 11%/năm x 345 ngày = 52.708.333 đồng – 14.000.000 đồng = 38.708.333đ *(Ba mươi tám triệu bảy trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)*.

- Tính từ ngày 02/10/2017 đến ngày 26/11/2019 là 786 ngày: 500.000.000đ x 11,5%/năm x 786 ngày = 125.541.667đ *(Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)*.

+ Nợ lãi quá hạn (bằng 150% lãi suất trong hạn):

- Tính từ ngày 23/10/2017 đến ngày 21/10/2018 là 363 ngày: 200.000.000đ x (11,5%/năm x 0,5) x 363 ngày = 11.595.833đ *(Mười một triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng)*.

- Tính từ ngày 22/10/2018 đến ngày 26/11/2019 là 401 ngày: 500.000.000đ x (11,5%/năm x 0,5) x 401 ngày = 32.024.306đ *(Ba mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm lẻ sáu đồng)*.

- Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của phía nguyên đơn: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/8534893/HĐBĐ ngày 05/5/2016 gồm các tài sản sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 316315 do UBND huyện C, tỉnh ĐN cấp ngày 20/4/2015 mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 671322 do UBND huyện C, tỉnh ĐN cấp ngày 27/6/2014 mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T.

- Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là đảm bảo, người đứng tên quyền sử đất là ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T, hợp đồng được chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định, mục đích thế chấp là để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Ngày 25/7/2019 Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp, kết quả như sau:

+ Thửa đất số 233, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.740m^2 và thửa đất số 40, tờ bản đồ số 6, diện tích 4.235m^2 (đất trồng cây hàng năm) tọa lạc tại thôn 5, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN, được UBND huyện C, tỉnh ĐN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 671322 ngày 27/6/2014 mang tên ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Tài sản trên đất gồm: Cây trồng bỏ hoang, đã chết gần hết.

+ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.908m^2 tọa lạc tại thôn 17, xã Đ, huyện C, tỉnh ĐN, được UBND huyện C, tỉnh ĐN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 316315 ngày 20/4/2015, mang tên ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Tài sản trên đất gồm: Cây trồng bỏ hoang, đã chết gần hết.

Toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T, không có tranh chấp].

[3. Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ) 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*].

[4. Về án phí: Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + (307.870.139 đồng x 4%) = 32.314.800đ *(Ba mươi hai triệu ba trăm mươi bốn nghìn tám trăm đồng)*].

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V tổng số tiền 707.870.139đ *(Bảy trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi chín đồng)*, trong đó:

+ Nợ gốc: 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng)*.

+ Nợ lãi trong hạn: 164.250.000đ *(Một trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng)*.

+ Nợ lãi quá hạn: 43.620.139đ *(Bốn mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn một trăm ba mươi chín đồng)*.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 27/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/9102490/HĐTD ngày 21/10/2016 cho đến khi bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V thì phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ gồm:

+ Thửa đất số 233, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.740m^2 và thửa đất số 40, tờ bản đồ số 6, diện tích 4.235m^2 (đất trồng cây hàng năm) tọa lạc tại thôn 5, xã ND, huyện C, tỉnh ĐNô, được UBND huyện C, tỉnh ĐN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 671322 ngày 27/6/2014 mang tên ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Tài sản trên đất: Không.

+ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.908m^2 tọa lạc tại thôn 17, xã Đ, huyện C, tỉnh ĐN, được UBND huyện C, tỉnh ĐN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 316315 ngày 20/4/2015, mang tên ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Tài sản trên đất: Không.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K phải nộp là 32.314.800đ *(Ba mươi hai triệu ba trăm mươi bốn nghìn tám trăm đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Vi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 14.240.000đ *(Mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000432 ngày 20/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh ĐN.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn K phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện C;
- CCTHDS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.